

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-9-2021  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,  
nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhã Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Phước Tâm.  
2. Bà Võ Thị Điệp.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 11, ấp 3, xã A, huyện B, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 2A, ấp 3, xã A, huyện B, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Văn L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị H chung sống vào năm 2014, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù anh L có giải thích và khuyên ngăn rất nhiều nhưng chị H vẫn không tin tưởng mà luôn nghi ngờ, chị thường xuyên nhắc tới việc anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng thường cự cãi với nhau. Vợ chồng chung sống nhưng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung trong chăm lo gia đình làm cho hôn nhân bất

hòa. Anh L đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị H đã nhiều lần xúc phạm, chửi mắng anh, không tôn trọng gia đình nhà chồng. Nay anh L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh L yêu cầu xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: anh L và chị H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thanh Huyền, sinh ngày 28/01/2016 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn anh L đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Theo biên bản hòa giải ngày 21/6/2021 và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thanh H là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H thừa nhận vợ chồng sống chung với nhau vào năm 2014 và không đăng ký kết hôn. Vào khoảng tháng 01/2021 chị H nghi ngờ anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị H thừa nhận có ghen tuông, có xúc phạm anh L. Vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh L không còn tình cảm với chị H nên chị H thống nhất ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thanh Huyền, sinh ngày 28/01/2016. Hiện nay con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- + Trích lục khai sinh (bản sao).

- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn L có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị Thanh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Chị Nguyễn Thị Thanh H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 11, ấp 3, xã A, huyện B, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị H sống chung với nhau vào năm 2014 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy anh L, chị H có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa

vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa anh L, chị H phát sinh mâu thuẫn nên anh L yêu cầu ly hôn với chị H. Chị H thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh L có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị H thừa nhận có ghen tuông, có xúc phạm anh L dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Vợ chồng cũng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do anh L không còn tình cảm với chị H nên chị H thống nhất ly hôn với anh L.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh L và chị H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Phạm Nguyễn Thanh Huyền, sinh ngày 28/01/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý để con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi con. Do đó để con chung tên Phạm Nguyễn Thanh Huyền, sinh ngày 28/01/2016 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*\* Về án phí:*

Anh Phạm Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn L:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Thanh Huyền, sinh ngày 28/01/2016. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai số 0012607 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Thị Nhã Quyên**